TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Khảo cứu Khải Cáo Phát Minh Văn: Tư tưởng hoằng pháp của Thiền sư Thích Từ Phong

ISSN: 2734-9195 10:53 13/08/2026

Qua việc khảo sát và phân tích “Khải cáo phát minh văn”, bài viết cho thấy văn bản thể hiện một quan niệm tương đối nhất quán về hoạt động hoằng pháp, trong đó nền tảng là Tam tạng Thánh giáo và giới luật

1. Dẫn nhập

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam đứng trước nhiều biến động do tác động của bối cảnh chính trị, xã hội và văn hóa thời thuộc địa. Tại Nam Bộ, sự suy giảm về chất lượng giáo dục tăng tài, tình trạng thiếu hụt kinh điển bằng chữ Quốc ngữ, cùng xu hướng thiên về nghi lễ hơn nghiên cứu và thực hành giáo lý đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc chấn chỉnh và đổi mới đời sống Phật giáo (Nguyễn Lang, 2014).

Trong bối cảnh ấy, nhiều bậc cao tăng đã nỗ lực khôi phục nền học Phật thông qua các hoạt động trước tác, phiên dịch, giảng dạy và đào tạo Tăng tài, hình thành những điều kiện và tiền đề tư tưởng, giáo dục cho quá trình Chấn hưng Phật giáo Việt Nam vào những thập niên đầu thế kỷ XX.

Trong tiến trình ấy, **Thiền sư Thích Từ Phong** (1864–1939) là một trong những gương mặt tiêu biểu của Phật giáo Nam Bộ, có những đóng góp quan trọng trong việc chuẩn bị nền tảng tư tưởng và học thuật cho phong trào Chấn hưng Phật giáo.

Thông qua hoạt động hoằng pháp, trước tác, phiên dịch kinh điển, đào tạo Tăng tài và lưu thông Phật học, Thiền sư đã góp phần khơi dậy tinh thần trở về với Tam tạng Thánh giáo, đề cao giáo dục Phật học và xây dựng nền tảng tri thức cho sự phục hưng Phật giáo. Bên cạnh các trước tác như “Qui nguyên trực chỉ diễn nghĩa” (1912), “Tông cảnh yếu ngữ lục diễn nghĩa ” (1915) và “Phát Bồ-đề tâm văn diễn nghĩa” (1932), Thiền sư còn để lại “Khải cáo phát minh văn” (1909), một văn bản cho thấy khá rõ những quan niệm của Ngài về nền tảng, chủ thể, mục tiêu và phương thức hoằng pháp, đồng thời có những điểm tương

đồng với một số định hướng được thể hiện trong tiến trình Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ đầu thế kỷ XX.

So với các trước tác khác của Thiền sư Thích Từ Phong, "Khải cáo phát minh văn" vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu tương xứng. Phần lớn các công trình mới chỉ giới thiệu nhan đề mà chưa xem xét văn bản như một chỉnh thể thống nhất để nhận diện hệ thống tư tưởng được thể hiện trong đó. Vì vậy, giá trị của "Khải cáo phát minh văn" với tư cách là một văn bản phản ánh tư tưởng hoằng pháp của Thiền sư Thích Từ Phong vẫn chưa được làm sáng tỏ một cách đầy đủ.

Từ góc nhìn đó, bài viết tập trung giới thiệu "Khải cáo phát minh văn", đồng thời phân tích những nội dung tư tưởng chủ yếu được thể hiện trong văn bản nhằm làm rõ: những quan niệm nào về hoạt động hoằng pháp được thể hiện trong "Khải cáo phát minh văn", và những quan niệm ấy có ý nghĩa như thế nào đối với việc nhận diện những định hướng đổi mới Phật giáo Nam Bộ đầu thế kỷ XX.

Bài viết góp phần bổ sung tư liệu cho việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng Phật giáo Việt Nam cũng như làm sáng tỏ thêm những đóng góp của Thiền sư Thích Từ Phong đối với phong trào Chấn hưng Phật giáo.

2. Giới thiệu văn bản

"Khải cáo phát minh văn" là một bài văn biền ngẫu bằng Hán văn mang tính khuyến giáo, được Thiền sư Thích Từ Phong sáng tác nhằm trình bày quan niệm của mình về con đường tu học, vai trò của người hoằng pháp và ý nghĩa của việc lưu thông kinh điển đối với sự hưng thịnh của Phật pháp.

Theo Thích Đồng Bổn (1995), "Khải cáo phát minh văn" được sáng tác năm 1909 và được in ở đầu sách "Qui nguyên trực chỉ diễn nghĩa" (1912). Tuy nhiên, qua khảo sát bản tác phẩm hiện lưu tại Thư viện Huệ Quang, bài viết chưa ghi nhận sự hiện diện của "Khải cáo phát minh văn". Vì vậy, bài viết sử dụng văn bản "Khải cáo phát minh văn" in trong "Qui Nguyên Trực Chỉ Thiền-Tông Tịnh-Độ" (Đỗ Thiếu Lăng, 1961) làm cơ sở khảo sát và trích dẫn. Trong lời tựa, Đỗ Thiếu Lăng cho biết ông đã tham khảo phần chữ Nôm của Thiền sư Thích Từ Phong trong quá trình phiên dịch và nhận xét: "Ngày nay nếu ai đã đọc phần Nôm của kinh này đều phải nhận công đức của Thiền sư Thích Từ Phong đối với Phật pháp. Tuy chữ Nôm không còn thích hợp với quốc văn ngày nay, nhưng nó đã giúp tôi rất nhiều trong công việc phiên dịch" (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.V). Trên cơ sở những tư liệu hiện có, bài viết sử dụng bản in năm 1961 như văn bản làm việc để phân tích nội dung tư tưởng. Các vấn đề về nguồn gốc văn bản, quá trình truyền bản và khả năng tồn tại các dị bản của "Khải cáo phát minh văn"

cần được tiếp tục khảo cứu khi có thêm tư liệu.

Về phương diện văn bản, “Khải cáo phát minh văn” được viết theo lối biền ngẫu, sử dụng nhiều cặp đối chỉnh, điển cố và thuật ngữ Phật học, đồng thời vận dụng linh hoạt các yếu tố của tư tưởng Nho giáo, Kinh dịch và văn học cổ điển phương Đông. Đặc điểm này không chỉ phản ánh trình độ Hán học và Phật học của Thiền sư Thích Từ Phong mà còn cho thấy xu hướng dung hợp tư tưởng vốn khá phổ biến trong Phật giáo Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Điểm nổi bật của “Khải cáo phát minh văn” không nằm ở hình thức văn biền ngẫu mà ở kết cấu lập luận tương đối chặt chẽ. Xét trong chỉnh thể, văn bản không phải là sự tập hợp rời rạc các lời khuyến giáo mà được triển khai theo một trình tự logic: từ việc xác lập Tam tạng Thánh giáo và giới luật làm nền tảng của đời sống tu học, khẳng định vai trò của người hoằng pháp trong việc truyền bá chính pháp, phân tích nguyên nhân của vô minh và khổ đau, hướng đến trí tuệ như mục tiêu của sự tu học, đến việc đề cao khảo cứu, biên soạn và lưu thông kinh điển như phương thức hiện thực hóa lý tưởng hoằng pháp. Chính sự thống nhất trong kết cấu ấy cho thấy văn bản không chỉ dừng lại ở những lời khuyến tu mang tính đạo đức mà còn thể hiện một hệ thống quan niệm có sự liên kết tương đối rõ giữa nền tảng tu học, chủ thể hoằng pháp, đối tượng cần được chuyển hóa, mục tiêu và phương thức truyền bá giáo pháp.

Từ góc nhìn lịch sử tư tưởng, “Khải cáo phát minh văn” có ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi của một bài văn khuyến giáo thông thường. Những nội dung như đề cao Tam tạng Thánh giáo, coi trọng giáo dục Phật học, nhấn mạnh vai trò của người hoằng pháp và khuyến khích khảo cứu, biên soạn, lưu thông kinh điển đều phản ánh những định hướng mà Thiền sư Thích Từ Phong theo đuổi trong hoạt động hoằng pháp của mình. Những đặc điểm trên cho thấy "Khải cáo phát minh văn" được xây dựng như một chỉnh thể lập luận thống nhất, tạo cơ sở để phân tích hệ thống tư tưởng được thể hiện trong văn bản ở các phần tiếp theo.

3. Nội dung tư tưởng của Khải cáo phát minh văn

3.1. Tam tạng Thánh giáo và giới luật – nền tảng của hoạt động hoằng pháp

Ngay từ phần mở đầu, “Khải cáo phát minh văn” đã xác lập Tam tạng Thánh giáo, giới luật và sự thống nhất giữa học với hành làm nền tảng của đời sống tu học. Việc đặt nội dung này ở vị trí mở đầu không chỉ có ý nghĩa dẫn nhập mà còn phản ánh quan niệm của Thiền sư Thích Từ Phong về nền tảng của hoạt động hoằng pháp. Theo đó, muốn truyền bá chính pháp trước hết phải xây dựng người học Phật trên cơ sở giáo lý và giới luật.

Nguyên văn Hán: □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□

Phiên âm: “Tam tạng Thánh giáo, tánh tướng sảo thông, hạnh giải song toàn, từ bi câu bị.” (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.VIII)

Đoạn văn nhấn mạnh rằng người học Phật không chỉ cần hiểu giáo lý (tánh tướng sảo thông) mà còn phải thống nhất giữa nhận thức và thực hành (hạnh giải song toàn), đồng thời lấy từ bi làm nền tảng của mọi hoạt động tu học. Điều này cho thấy Thiền sư không xem việc học Phật chỉ dừng lại ở tri thức mà phải gắn với quá trình thực hành và giáo hóa chúng sinh. Sự thống nhất giữa trí tuệ, giới hạnh và từ bi cũng chính là những phẩm chất cần có của người hoằng pháp.

Tiếp đó, Thiền sư viết:

Nguyên văn Hán: □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ , □□□□□□□□

Phiên âm: “Thọ kiến tam đàn giới thể, tế độ thất chúng đồng quy, vĩnh tác Như Lai chi đệ tử, thường vi tiên Thánh chi tông thân”. (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.VIII)

Qua đoạn văn này, giới luật được đặt trong mối liên hệ với việc thọ giới, tu học và hướng dẫn bảy chúng(1) cùng quy hướng về chính pháp. Qua việc nhấn mạnh Tam tạng Thánh giáo, giới luật và sự thống nhất giữa học với hành, có thể nhận thấy Thiền sư đặt nền tảng của đời sống tu học ở giáo lý, giới hạnh và thực hành. Chính trên nền tảng ấy, hoạt động hoằng pháp mới có thể bảo đảm sự truyền thừa chính pháp một cách đúng đắn và bền vững.

Việc đặt Tam tạng Thánh giáo và giới luật ở phần mở đầu không chỉ có ý nghĩa dẫn nhập mà còn phản ánh quan niệm của Thiền sư Thích Từ Phong về nền tảng của hoạt động hoằng pháp. Muốn truyền bá chính pháp phải bắt đầu từ việc xây dựng người học Phật trên cơ sở giáo lý, giới luật và sự thống nhất giữa học với hành. Đây cũng là tiền đề để “Khải cáo phát minh văn” tiếp tục khẳng

định vai trò của người hoằng pháp trong việc truyền bá và khai mở trí tuệ cho chúng sinh ở phần tiếp theo.

3.2. Người hoằng pháp – chủ thể truyền bá và hộ trì chính pháp

Sau khi xác lập Tam tạng Thánh giáo và giới luật là nền tảng của đời sống tu học, “Khải cáo phát minh văn” tiếp tục làm rõ vai trò của người hoằng pháp trong việc truyền bá và hộ trì chính pháp. Qua văn bản, Thiền sư Thích Từ Phong nhấn mạnh rằng việc truyền bá giáo pháp không chỉ đòi hỏi sự hiểu biết về kinh điển mà còn cần có những người đảm nhận trách nhiệm tuyên dương, giải thích và hướng dẫn chúng sinh tiếp cận chính pháp.

Nguyên văn Hán: [illegible]

Phiên âm: “Thỉnh ngã đương dương, pháp sư tọa vị, đại Phật tuyên dương, tỉ kim ngôn đồng triệt, linh bí nghĩa chiêu dung, huề nhiếp thời lưu, phù trì mạt pháp.” (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.VIII).

Đoạn văn cho thấy Thiền sư xác định người hoằng pháp trước hết là người đảm nhận trách nhiệm tuyên dương giáo pháp của Đức Phật. Cụm từ “đại Phật tuyên dương” không hàm ý thay thế Đức Phật mà nhấn mạnh vai trò kế thừa sứ mệnh truyền bá chính pháp, giúp giáo lý được trình bày rõ ràng để mọi người có thể tiếp nhận và thực hành. Đồng thời, các cụm từ “linh bí nghĩa chiêu dung”, “huề nhiếp thời lưu” và “phù trì mạt pháp” cho thấy hoạt động hoằng pháp không chỉ dừng lại ở việc giảng giải kinh điển mà còn hướng đến việc khai mở ý nghĩa sâu xa của giáo pháp, dẫn dắt quần chúng và hộ trì Phật pháp trong bối cảnh thời mạt pháp.
Quan niệm ấy được Thiền sư tiếp tục khẳng định qua lời dạy:

Nguyên văn Hán: [illegible]

Phiên âm: “Thí như ám trung bửu, vô đăng bất khả kiến; Phật pháp vô nhân thuyết, tuy huệ bất năng liễu”. (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.VIII)

Thông qua phép so sánh giữa “báu trong tối” (ám trung bửu) và “đèn” (đăng), Thiền sư nhấn mạnh rằng giáo pháp tuy vốn đầy đủ và chân thật nhưng nếu không có người hoằng pháp hướng dẫn thì chúng sinh khó có thể nhận thức và lĩnh hội được ý nghĩa của giáo lý. Người hoằng pháp vì thế giữ vai trò như cầu nối giữa Tam tạng Thánh giáo với người học Phật và đời sống thực tiễn, giúp giáo pháp được truyền trao, tiếp nhận và phát huy giá trị thông qua quá trình học tập, nhận thức và thực hành trong cộng đồng.

Có thể thấy, trong “Khải cáo phát minh văn”, người hoằng pháp giữ vai trò quan trọng trong việc truyền bá và hộ trì chính pháp. Hoằng pháp không chỉ là truyền đạt tri thức Phật học mà còn là quá trình khai mở nhận thức, dẫn dắt con người tiếp cận chân lý và góp phần duy trì sự truyền thừa của giáo pháp. Đây cũng là tiền đề để văn bản tiếp tục phân tích nguyên nhân khiến con người xa rời chính pháp, đó là tình trạng vô minh và mê lầm.

3.3. Vô minh – đối tượng của hoạt động hoằng pháp

Trong Khải cáo phát minh văn, Thiền sư Thích Từ Phong xác định đối tượng mà hoạt động hoằng pháp hướng đến là chúng sinh còn bị vô minh và mê lầm chi phối. Theo Thiền sư, sự mê lầm của chúng sinh bắt nguồn từ việc không nhận rõ chân thật, chạy theo những nhận thức hư vọng và tự tạo nên sự ràng buộc cho chính mình. Vì vậy, hoạt động hoằng pháp trước hết hướng đến việc chuyển hóa vô minh và mê lầm, giúp con người từng bước nhận ra và tiếp cận chân lý.

Thiền sư viết:

Nguyên văn Hán: [illegible]

Phiên âm: “Muội thiên chơn nhi tùy huyễn mộng, xả thiệt tế nhi nhận không hoa, nãi thúc giác nhi thúc mê, cánh tự triền nhi tự phược, như thu nga phó đăng, tự xuân tàm tác kiển, tự xứ dư ương, phiên xưng khoái lạc”. (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.X).

Đoạn văn cho thấy Thiền sư quan niệm vô minh không chỉ là sự thiếu hiểu biết mà là trạng thái mê lầm khiến con người xa rời chân lý, nhận giả làm thật và tự tạo nên sự ràng buộc cho chính mình. Những hình ảnh “như thu nga phó đăng” (thiêu thân lao vào đèn) và “tự xuân tàm tác kiển” (tằm mùa xuân tự kéo kén) được sử dụng như những ẩn dụ để diễn tả tình trạng chúng sinh tự chuốc lấy khổ đau nhưng vẫn lầm tưởng đó là niềm vui. Qua đó, Thiền sư nhấn mạnh vai trò của sự mê lầm trong việc khiến chúng sinh tiếp tục bị ràng buộc trong khổ đau và sinh tử.

Từ thực trạng đó, Thiền sư khẳng định ý nghĩa của hoạt động hoằng pháp:

Nguyên văn Hán: [illegible]

Phiên âm: “Phát từ bi chí nguyện, mẫn thử phàm thế chi trầm mê, niệm bỉ chúng sinh chi minh muội, thuyết pháp phương tiện nhi đắc độ giả”. (Đỗ Thiếu

Lăng, 1961, tr.X).

Đoạn văn thể hiện rõ quan niệm của Thiền sư Thích Từ Phong rằng hoằng pháp bắt nguồn từ lòng từ bi và hướng đến việc chuyển hóa vô minh nơi chúng sinh. Theo đó, thuyết pháp không chỉ nhằm truyền đạt giáo lý mà còn là phương tiện khai mở nhận thức, giúp con người thoát khỏi mê lầm để từng bước hướng đến giác ngộ. Đây cũng là cơ sở tư tưởng để Thiền sư tiếp tục khẳng định trí tuệ là mục tiêu của hoạt động hoằng pháp.

3.4. Trí tuệ – mục tiêu của hoạt động hoằng pháp

Nếu vô minh là đối tượng cần được chuyển hóa thì trí tuệ chính là mục tiêu mà hoạt động hoằng pháp hướng đến. Trong Khải cáo phát minh văn, Thiền sư Thích Từ Phong không xem trí tuệ chỉ là sự tích lũy tri thức mà là kết quả của quá trình đoạn trừ si mê, vượt qua hôn muội và đạt đến giải thoát. Vì vậy, việc truyền bá chính pháp luôn gắn với mục tiêu khai mở nhận thức và hướng con người đến đời sống giác ngộ.

Thiền sư viết:

Nguyên văn:
□□

Phiên âm: “Đắc giải thoái nhi thích phược, hàm địch cấu dĩ ly trần, chuyển si mê vi trí huệ, khứ hôn muội tức quang minh, xuất sinh tử đồ, đăng Bồ đề ngạn.” (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.VIII).

Đoạn văn cho thấy Thiền sư xác định trí tuệ là kết quả của quá trình chuyển hóa nội tâm. Con người chỉ có thể đạt đến trí tuệ khi đoạn trừ si mê, vượt qua hôn muội và thoát khỏi những ràng buộc do chính vô minh tạo nên. Vì vậy, mục tiêu của hoạt động hoằng pháp không dừng lại ở việc truyền đạt giáo lý mà hướng đến sự chuyển hóa nhận thức và đời sống tinh thần của chúng sinh.

Tiếp đó, Thiền sư cảnh tỉnh:

Nguyên văn:□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ ! □

Phiên âm: “Kim sanh bất liễu chí lý, vĩnh nhập luân hồi như tiển. Triêu nhược đắc văn, tịch tử khả hỉ!” (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.X).

Lời cảnh tỉnh này nhấn mạnh rằng việc nhận thức chân lý ngay trong hiện đời có ý nghĩa quyết định đối với con đường tu tập. Theo Thiền sư, nếu không hiểu rõ chí lý thì con người sẽ tiếp tục bị vô minh chi phối và trôi lăn trong vòng luân

hồi. Ngược lại, khi được nghe chính pháp và thấu hiểu giáo lý, con người có điều kiện chuyển hóa nhận thức để hướng đến giác ngộ.

Đồng thời, Thiền sư cũng phê phán lối nhận thức phiến diện thông qua hình ảnh:

Nguyên văn Hán: [illegible]

Phiên âm: “Dĩ quản khuy thiên, phi thiên chi tiểu dã, thị nhân chi kiến tiểu dã”. (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.X).

Hình ảnh “Dĩ quản khuy thiên” (lấy ống xem Trời) cho thấy Thiền sư phê phán lối nhìn hạn hẹp, chỉ thấy một phần mà ngộ nhận là toàn thể chân lý. Theo đó, hoạt động hoằng pháp vì thế còn là quá trình mở rộng nhận thức, giúp người học vượt khỏi cái thấy phiến diện để tiếp cận chân lý một cách toàn diện hơn.

Có thể thấy, Khải cáo phát minh văn xác định trí tuệ vừa là mục tiêu vừa là kết quả của hoạt động hoằng pháp. Thông qua việc học tập, nghe pháp và thực hành chính pháp, con người từng bước chuyển hóa từ si mê đến trí tuệ, từ hôn muội đến quang minh, từ sinh tử đến bờ giác. Đây cũng là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng hoằng pháp của Thiền sư Thích Từ Phong.

3.5. Khảo cứu, biên soạn và lưu thông kinh điển – hiện thực hóa lý tưởng hoằng pháp

Sau khi xác lập nền tảng, chủ thể, đối tượng và mục tiêu của hoạt động hoằng pháp, “Khải cáo phát minh văn” chỉ ra phương thức hiện thực hóa lý tưởng ấy thông qua việc khảo cứu, biên soạn và lưu thông kinh điển. Theo Thiền sư Thích Từ Phong, việc truyền bá chính pháp không chỉ được thực hiện bằng thuyết giảng mà còn phải dựa trên hoạt động nghiên cứu, hệ thống hóa và phổ biến kinh điển nhằm bảo đảm giáo pháp được truyền thừa một cách chính xác và bền vững.

Nguyên văn Hán: [illegible]

Phiên âm Hán–Việt: “Giác Hải tự Thích Từ Phong, lưu thần nội điển, giản duyệt chư biên, khảo kỳ chí tinh chí yếu, soạn thuật lưu thông hải vũ” (Đỗ Thiếu Lăng, 1961, tr.X).

Đoạn văn cho thấy Thiền sư không chỉ là người truyền giảng giáo pháp mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình khảo cứu và biên soạn kinh điển. Các cụm từ “lưu thần nội điển”, “giản duyệt chư biên” và “khảo kỳ chí tinh chí yếu” phản

ánh thái độ học thuật nghiêm túc, đề cao việc đối chiếu, chọn lọc và hệ thống hóa những nội dung cốt lõi của Phật pháp. Đây cũng là cơ sở để hoạt động hoằng pháp luôn đặt trên nền tảng kinh điển và chính kiến, tránh sự truyền bá cảm tính hoặc sai lệch giáo lý.

Đặc biệt, cụm từ "soạn thuật lưu thông hải vũ" cho thấy mục đích của việc khảo cứu và biên soạn không phải để tích lũy tri thức cho cá nhân mà nhằm phổ biến giáo pháp đến đông đảo quần chúng. Điều này phản ánh quan niệm của Thiền sư về mối quan hệ gắn bó giữa nghiên cứu và hoằng pháp: khảo cứu là tiền đề, còn lưu thông kinh điển là phương thức để giáo pháp được lan tỏa và phát huy giá trị trong đời sống.

Quan niệm này cũng thống nhất với mệnh đề "Phật pháp vô nhân thuyết, tuy huệ bất năng liễu" đã được phân tích ở phần trước. Nếu người hoằng pháp là chủ thể truyền trao giáo lý thì khảo cứu, biên soạn và lưu thông kinh điển chính là điều kiện bảo đảm cho hoạt động ấy được thực hiện đúng đắn, bền vững và hiệu quả. Nhờ vậy, giáo pháp không chỉ được bảo tồn mà còn đáp ứng nhu cầu học tập và tu hành của nhiều tầng lớp xã hội. Qua đó, khảo cứu, biên soạn và lưu thông kinh điển được xác lập như phương thức hiện thực hóa lý tưởng hoằng pháp của Thiền sư Thích Từ Phong.

4. Giá trị của "Khải cáo phát minh văn" đối với tư tưởng chấn hưng Phật giáo Nam Bộ

Qua những nội dung được trình bày, "Khải cáo phát minh văn" không chỉ cho thấy quan niệm của Thiền sư Thích Từ Phong về hoạt động hoằng pháp mà còn gợi mở một số vấn đề có ý nghĩa đối với quá trình đổi mới Phật giáo Nam Bộ đầu thế kỷ XX. Đó là yêu cầu củng cố nền tảng giáo lý và giới luật, nâng cao vai trò của người truyền bá chính pháp, mở rộng việc học tập và khảo cứu kinh điển, đồng thời đưa giáo pháp đến gần hơn với người học. Những phương diện này có thể được xem xét như những biểu hiện sớm của một ý thức đổi mới đời sống Phật giáo, trước khi phong trào Chấn hưng Phật giáo phát triển mạnh ở Nam Bộ.

Từ góc độ lịch sử tư tưởng, "Khải cáo phát minh văn" là nguồn tư liệu có giá trị trong việc nhận diện những định hướng đổi mới Phật giáo của Thiền sư Thích Từ Phong trước khi phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam phát triển mạnh ở Nam Bộ. Những nội dung như đề cao Tam tạng Thánh giáo, coi trọng giáo dục Phật học, nhấn mạnh vai trò của người hoằng pháp, khuyến khích khảo cứu, biên soạn và lưu thông kinh điển đều có những điểm tương đồng với một số định hướng được đặt ra trong phong trào Chấn hưng Phật giáo sau này. Mối

tương đồng này càng có cơ sở để xem xét khi đối chiếu “Khải cáo phát minh văn” với “Xương minh Phật học – Biên văn bố cáo” (Thích Hoằng Trí, 2018, tr. 247–252), trong đó Thiền sư kêu gọi “hiện xuất tinh thần hiệp lực kiến lập học đường”, nhấn mạnh yêu cầu “phải mau tu chỉnh Phật pháp lại, ứng hiện theo thời đại mới”, đồng thời đề cao việc “dạy truyền chính pháp” như một yếu tố quan trọng đối với sự hưng thịnh của Phật pháp. Sự tương đồng về các vấn đề giáo dục Phật học, truyền bá chính pháp và xây dựng đội ngũ tu học cho thấy những mối quan tâm này không chỉ xuất hiện trong “Khải cáo phát minh văn” mà còn được thể hiện ở những văn bản khác gắn với hoạt động hoằng pháp của Thiền sư. Khi đặt “Khải cáo phát minh văn” bên cạnh một số trước tác khác của Thiền sư, có thể nhận thấy sự nhất quán tương đối trong những định hướng hoằng pháp mà Ngài theo đuổi.

Tuy nhiên, trên cơ sở những tư liệu hiện có, chưa đủ căn cứ để xem “Khải cáo phát minh văn” là cương lĩnh của phong trào Chấn hưng Phật giáo Nam Bộ. Giá trị của văn bản nằm ở chỗ phản ánh sớm và tương đối đầy đủ những định hướng tư tưởng mà Thiền sư Thích Từ Phong theo đuổi trong hoạt động hoằng pháp, qua đó góp phần nhận diện tiến trình hình thành tư tưởng đổi mới Phật giáo ở Nam Bộ đầu thế kỷ XX.

Không chỉ có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng Phật giáo, những quan điểm được thể hiện trong “Khải cáo phát minh văn” vẫn gợi mở nhiều giá trị tham khảo đối với hoạt động hoằng pháp hiện nay. Việc đề cao Tam tạng Thánh giáo, coi trọng giáo dục Phật học, nhấn mạnh vai trò của người hoằng pháp và khuyến khích khảo cứu, lưu thông kinh điển cho thấy yêu cầu gắn kết giữa nền tảng học thuật với thực tiễn truyền bá chính pháp. Trong bối cảnh Phật giáo Việt Nam tiếp tục quan tâm đến công tác đào tạo Tăng tài, nâng cao chất lượng hoằng pháp và phát huy giá trị của kinh điển trong đời sống đương đại, những định hướng tư tưởng này vẫn có ý nghĩa tham khảo trong việc kế thừa và phát triển truyền thống giáo dục Phật học.

Ở phương diện văn bản học, “Khải cáo phát minh văn” góp phần bổ sung tư liệu cho việc nhận diện đầy đủ hơn diện mạo tư tưởng của Thiền sư Thích Từ Phong cũng như tiến trình phát triển của Phật giáo Nam Bộ đầu thế kỷ XX. Việc tiếp cận văn bản như một chỉnh thể lập luận, đồng thời đặt trong mối liên hệ với các trước tác như “Qui nguyên trực chỉ diễn nghĩa”, “Tông cảnh yếu ngữ lục diễn nghĩa”, “Phát Bồ-đề tâm văn diễn nghĩa” và “Xương minh Phật học – Biên văn bố cáo”..., góp phần nhận diện rõ hơn sự nhất quán trong một số định hướng hoằng pháp của Thiền sư. Đồng thời, cách tiếp cận này mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về vị trí của Thích Từ Phong trong lịch sử tư tưởng Phật giáo Nam Bộ và mối liên hệ giữa hoạt động hoằng pháp của Ngài với quá trình đổi mới Phật

giáo đầu thế kỷ XX.

5. Kết luận

Qua việc khảo sát và phân tích “Khải cáo phát minh văn”, bài viết cho thấy văn bản thể hiện một quan niệm tương đối nhất quán về hoạt động hoằng pháp, trong đó nền tảng là Tam tạng Thánh giáo và giới luật; chủ thể là người đảm nhận việc tuyên dương và giải thích chính pháp; đối tượng là chúng sinh còn bị vô minh, mê lầm chi phối; mục tiêu là chuyển hóa nhận thức, hướng đến trí tuệ; và phương thức quan trọng là khảo cứu, biên soạn và lưu thông kinh điển.

Đặt trong bối cảnh đầu thế kỷ XX, nhiều nội dung của Khải cáo phát minh văn có sự tương đồng với những định hướng mà phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam sau này theo đuổi.

Trên cơ sở những tư liệu hiện có, bài viết không xem văn bản này là cương lĩnh của phong trào mà xem đây là một tư liệu phản ánh khá sớm và tương đối rõ những quan niệm của Thiền sư Thích Từ Phong về hoạt động hoằng pháp.

Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung tư liệu cho việc nghiên cứu Thiền sư Thích Từ Phong và lịch sử tư tưởng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX, đồng thời mở ra hướng tiếp tục khảo cứu thông qua việc đối chiếu Khải cáo phát minh văn với các trước tác khác của Thiền sư và những tư liệu liên quan đến phong trào Chấn hưng Phật giáo Nam Bộ.

Tác giả: **Nguyễn Thanh Nhất (Nguyên Tấn)**

***

Chú thích:
(1). Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni) và hai chúng tại gia (Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di).

Tài liệu tham khảo:
1. Đỗ Thiếu Lăng. (1961). Qui Nguyên Trực Chỉ Thiền-Tông Tịnh-Độ (Thượng quyển). Nhà xuất bản Vĩnh Hưng Long.
2. Thích Từ Phong. (1912). □□□□□□ (Qui nguyên trực chỉ diễn nghĩa) [Hán Nôm]. Hiệu Quảng Đồng An.
3. Thích Đồng Bổn (Chủ biên). (1995). Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX (Tập 1). Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Lang. (2014). Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập. Nhà xuất bản Văn học.
5. Thích Từ Phong. (1915). □□□□□□□ (Tông Cảnh Yếu Ngữ Lục Diễn Nghĩa)

[Hán Nôm].
6. Thích Từ Phong. (1932). □□□□□□□ (Phát Bồ-đề tâm văn diễn nghĩa) [Hán Nôm].
7. Thích Hoằng Trí. (2018). Phát Bồ-đề tâm văn diễn nghĩa của Thiền sư Thích Từ Phong. Nhà xuất bản Hồng Đức.